

BẢNG ĐIỂM TỔNG HỢP LỚP TNH23B2
HỌC KỲ II NĂM HỌC 2023-2024

STT	MSHS	Họ và tên	Ngày sinh	Giáo dục QP - An ninh(2)	Giáo dục thể chất(1)	Pháp luật(1)	Tiếng anh chuyên ngành(5)	Nghệ vụ bar(6)	Giáo dục Chính trị(2)	Điểm TB	Xếp loại
01	2358102064575	Nguyễn Hoàng Kỳ Bảo	25/02/2008	6.2	5.6	8.2	5.6	7.3	6.8	6.7	Trung bình
02	2358102064576	Huỳnh Tín Đạt	05/12/2008	5.7	9.4	0.0	3.5	5.0	0.0	3.4	Yếu
03	2358102064577	Dương Thúy Huyền	07/07/2008	2.4	2.9	0.0	0.8	2.2	0.0	1.2	Yếu
04	2358102064578	Trần Thị Kim Khánh	25/08/2008	7.9	6.8	8.0	7.4	5.3	6.4	6.4	Trung bình
05	2358102064579	Hứa Trí Kiên	07/01/2007	8.9	9.2	7.2	4.6	6.3	6.7	5.8	Trung bình
06	2358102064580	Nguyễn Trí Kiệt	13/02/2008	0.0	0.0	0.0	0.6	6.6	0.0	3.0	Yếu
07	2358102064581	Võ Lê Mỹ Kiều	26/07/2008	2.6	2.6	0.0	5.0	0.9	0.0	2.2	Yếu
08	2358102064582	Lê Bảo Kỳ	10/11/2007	5.7	8.5	0.0	4.0	5.3	0.0	3.7	Yếu
09	2358102064584	Trần Minh Nhật	05/10/2007	0.0	3.5	0.0	0.7	0.8	0.0	0.6	Yếu
10	2358102064587	Trương Hồng Thái	31/03/2008	6.9	5.7	5.8	5.0	5.6	6.2	5.5	Trung bình
11	2358102064588	Nguyễn Thị Kiều Tiên	02/01/2008	8.8	10.0	8.3	8.1	7.6	7.2	7.8	Khá
12	2358102064589	Võ Ngọc Mai Trang	11/12/2008	6.2	7.1	5.9	6.3	6.5	6.8	6.4	Trung bình
13	2358102064590	Trần Ngọc Trân	15/04/2008	8.2	6.8	8.0	6.8	7.1	8.2	7.2	Khá
14	2358102064591	Trần Thị Bảo Trân	26/01/2008	0.0	0.0	0.0	0.0	0.8	0.0	0.3	Yếu
15	2358102064592	Nguyễn Minh Trí	04/05/2008	0.0	0.0	0.0	0.0	0.3	0.0	0.1	Yếu
16	2358102064593	Nguyễn Hiếu Trung	05/08/2008	9.1	9.5	9.1	8.7	8.4	8.5	8.6	Giỏi
17	2358102064594	Võ Thị Mỹ Tú	02/04/2008	8.3	7.7	8.0	6.1	7.0	8.2	6.9	Trung bình
18	2358102064595	Nguyễn Ngọc Mỹ Xuyên	10/02/2008	8.6	6.8	7.2	7.9	6.7	8.0	7.4	Khá

Lưu ý: Môn học **Giáo dục thể chất** và **Giáo dục QP - AN** không tính điểm vào điểm tổng kết.

TL. HIỆU TRƯỞNG
TP. Đào tạo

Châu Đốc, ngày 12 tháng 07 năm 2024
Người lập bảng

Ths. Trần Thanh Dũng

Trần Quốc Thái